Series VQPU

Bánh xe siêu tải

Bọc QPU + Lõi sắt/gang

Phạm vi nhiệt độ	-30°C to +70°C
Độ di chuyển mượt mà	Tuyệt vời
Âm lượng	Rất Tốt
Bảo vệ mặt sàn	Tốt

Mặt bánh

QPU là vật liệu PU có tính đàn hồi tốt, bánh xe sử dụng vật liệu này không chỉ giúp giảm lực cản lăn mà còn nâng cao khả năng thao tác máy móc. QPU có ba độ cứng khác nhau, bao gồm 75 độ, 85 độ và 90 độ, cả 3 đều có độ đàn hồi cao. Bánh xe QPU của Dersheng có tính năng chịu nước tốt, thích hợp sử dụng ở vùng nhiệt đới và ở môi trường làm việc ẩm ướt.

Lõi bánh xe

Lõi sắt/gang

Đặc điểm

- Kháng hóa chất, dung môi và ăn mòn
- Chịu mài mòn
- Kháng vi sinh vật
- Chống đâm thấu
- Lực cản lăn thấp
- Nhiệt độ môi trường thích hợp: -30°C~+70°C
- Sử dụng trong điều kiện thông thường, không cần bảo trì

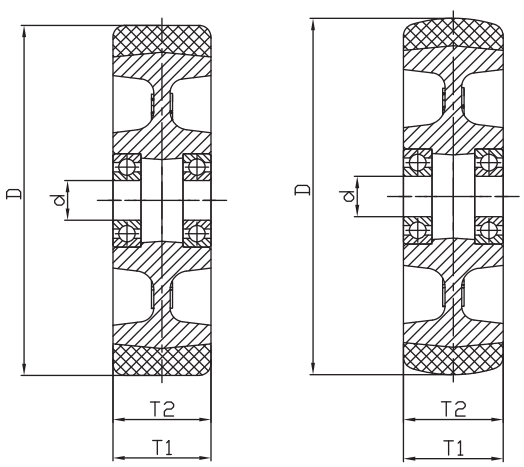

Độ cứng: 90°Shore A (PANTONE 2747C)

Mã sản phẩm	Đường kính bánh xe (D)【mm】	Bề rộng bánh xe (T2)【mm】	Tải trọng 【kg(lbs)】	Đường kính trong của ổ lăn Ø(d)【mm】	Độ dài trục bánh (T1)【mm】	Mặt bánh	Ổ lăn
12035406186171	150	42	700 kgs (1543lbs)	17	42	Bề mặt cong	Ổ bi chính xác
12035406186271	150	42	700 kgs (1543lbs)	20	42		
12035406306171	150	75	1100 kgs (2425lbs)	20	75		
12035406306271	150	75	1100 kgs (2425lbs)	25	75		
12035407206171	180	50	850 kgs (1874lbs)	20	50		
12035407206271	180	50	850 kgs (1874lbs)	25	50		
12035408206171	200	50	1000 kgs (2205lbs)	20	50		
12035408206271	200	50	1000 kgs (2205lbs)	25	50		
12035408200271	200	50	1000 kgs (2205lbs)	30	50		
12035408200171	200	50	1000 kgs (2205lbs)	35	50		
12035408200371	200	50	1000 kgs (2205lbs)	40	50		
12035410256171	250	62	1500 kgs (3307lbs)	20	61		
12035410256271	250	62	1500 kgs (3307lbs)	25	61		
12035410259171	250	62	1500 kgs (3307lbs)	30	61		
12035410259271	250	62	1500 kgs (3307lbs)	35	61		
12035412356171	300	90	1800 kgs (3968lbs)	30	90		
12035412356271	300	90	1800 kgs (3968lbs)	35	90		
12035414356401	350	90	2400 kgs (5291lbs)	35	90		
12035414356101	350	90	2400 kgs (5291lbs)	40	90		
12035414356701	350	90	2400 kgs (5291lbs)	45	90		
12036914351101	350	90	2400 kgs (5291lbs)	50	90		
12035410306171	250	80	2000 kgs (4409lbs)	25	90	Bề mặt phẳng	
12035410306271	250	80	2000 kgs (4409lbs)	30	90		
12035410306371	250	80	2000 kgs (4409lbs)	35	90		
12035412359171	300	90	2400 kgs (5291lbs)	30	90		
12035412359271	300	90	2400 kgs (5291lbs)	35	90		
12035416406171	400	100	3000 kgs (6614lbs)	35	100		
12035416406271	400	100	3000 kgs (6614lbs)	40	100		
12035416406371	400	100	3000 kgs (6614lbs)	45	100		
12035416406471	400	100	3000 kgs (6614lbs)	50	100		

Độ cứng: 85°Shore A (PANTONE 2747C)

Mã sản phẩm	Đường kính bánh xe (D)【mm】	Bề rộng bánh xe (T2)【mm】	Tải trọng 【kg(lbs)】	Đường kính trong của ổ lăn Ø(d)【mm】	Độ dài trục bánh (T1)【mm】	Mặt bánh	Ổ lăn
12035406186371	150	42	560 kgs (1235lbs)	17	42	Bề mặt cong	Ổ bi chính xác
12035406186471	150	42	560 kgs (1235lbs)	20	42		
12035406306371	150	75	900 kgs (1984lbs)	20	75		
12035406306471	150	75	900 kgs (1984lbs)	25	75		
12035407206371	180	50	700 kgs (1543lbs)	20	50		
12035407206471	180	50	700 kgs (1543lbs)	25	50		
12035408206371	200	50	800 kgs (1764lbs)	20	50		
12035408206471	200	50	800 kgs (1764lbs)	25	50		
12035408200471	200	50	800 kgs (1764lbs)	30	50		
12035408200571	200	50	800 kgs (1764lbs)	35	50		
12035408200671	200	50	800 kgs (1764lbs)	40	50		
12035410256371	250	62	1200 kgs (2646lbs)	20	61		
12035410256471	250	62	1200 kgs (2646lbs)	25	61		
12035410259371	250	62	1200 kgs (2646lbs)	30	61		
12035410259471	250	62	1200 kgs (2646lbs)	35	61		
12035412356371	300	90	1440 kgs (3175lbs)	30	90		
12035412356471	300	90	1440 kgs (3175lbs)	35	90		
12035414356501	350	90	2000 kgs (4409lbs)	35	90		
12035414356201	350	90	2000 kgs (4409lbs)	40	90		
12035414356801	350	90	2000 kgs (4409lbs)	45	90		
12036914351201	350	90	2000 kgs (4409lbs)	50	90		
12035412359371	300	90	1920 kgs (4233lbs)	30	90	Bề mặt phẳng	
12035412359471	300	90	1920 kgs (4233lbs)	35	90		
12035416406571	400	100	2200 kgs (4850lbs)	35	100		
12035416406671	400	100	2200 kgs (4850lbs)	40	100		
12035416406771	400	100	2200 kgs (4850lbs)	45	100		
12035416406871	400	100	2200 kgs (4850lbs)	50	100		

Độ cứng: 75°Shore A (PANTONE 425C)

Mã sản phẩm	Đường kính bánh xe (D)【mm】	Bề rộng bánh xe (T2)【mm】	Tải trọng 【kg(lbs)】	Đường kính trong của ổ lăn Ø(d)【mm】	Độ dài trục bánh (T1)【mm】	Mặt bánh	Ổ lăn
12035406186771	150	42	490 kgs (1080lbs)	17	42	Bề mặt cong	Ổ bi chính xác
12035406186871	150	42	490 kgs (1080lbs)	20	42		
12035406306571	150	75	800 kgs (1764lbs)	20	75		
12035406306671	150	75	800 kgs (1764lbs)	25	75		
12035407206571	180	50	600 kgs (1323lbs)	20	50		
12035407206671	180	50	600 kgs (1323lbs)	25	50		
12035408206771	200	50	700 kgs (1543lbs)	20	50		
12035408206871	200	50	700 kgs (1543lbs)	25	50		
12035408200771	200	50	700 kgs (1543lbs)	30	50		
12035408200871	200	50	700 kgs (1543lbs)	35	50		
12035408200971	200	50	700 kgs (1543lbs)	40	50		
12035410256871	250	62	1050 kgs (2315lbs)	20	61		
12035410256971	250	62	1050 kgs (2315lbs)	25	61		
12035410259571	250	62	1050 kgs (2315lbs)	30	61		
12035410259671	250	62	1050 kgs (2315lbs)	35	61		
12035412356571	300	90	1260 kgs (2778lbs)	30	90		
12035412356671	300	90	1260 kgs (2778lbs)	35	90		
12035414356601	350	90	1800 kgs (3968lbs)	35	90		
12035414356301	350	90	1800 kgs (3968lbs)	40	90		
12035414356901	350	90	1800 kgs (3968lbs)	45	90		
12036914351301	350	90	1800 kgs (3968lbs)	50	90		
12035412359571	300	90	1680 kgs (3704lbs)	30	90	Bề mặt phẳng	
12035412359671	300	90	1680 kgs (3704lbs)	35	90		
12035416409171	400	100	1900 kgs (4189lbs)	35	100		
12035416409271	400	100	1900 kgs (4189lbs)	40	100		
12035416409371	400	100	1900 kgs (4189lbs)	45	100		
12035416409471	400	100	1900 kgs (4189lbs)	50	100		